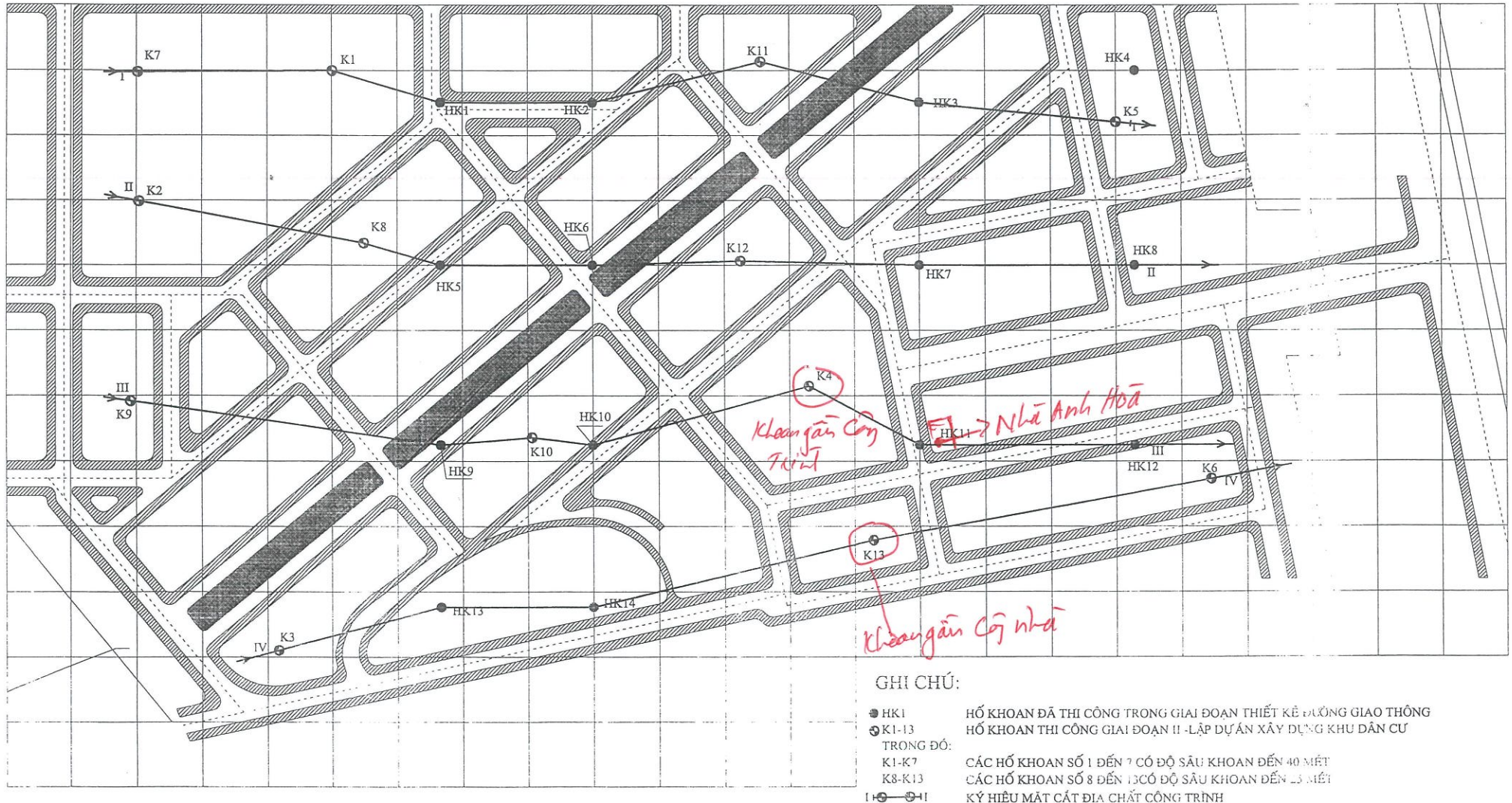


MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỐ KHOAN CÔNG TRÌNH: KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG - AN HẢI - HẢI PHÒNG



HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

CÔNG TRÌNH: Khu dân cư An Đông

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM: An Đông-An Dương-Hải Phòng

CƠ QUAN KSÁT: Công ty phát triển kỹ thuật xây dựng.

NGƯỜI LẬP:

Hố khoan:

K4

Cao độ (m):

0.0

Mức nước d.đất (m):

Chiều sâu (m):

40.0

Thước tỷ lệ

Ký hiệu lớp

Cao độ (m)

Độ sâu (m)

Bề dày (m)

Địa tầng

MÔ TẢ ĐẤT ĐÁ

Ký hiệu

Độ sâu (m)

Số búa/15 cm đầu

Số búa/15 cm giữa

Số búa/15 cm cuối

BIỂU ĐỒ SPT
(N: Số búa /
30 cm cuối)

0 10 20 30 40 50

20.0

21.0

22.0

23.0

24.0

25.0

26.0

27.0

28.0

29.0

30.0

31.0

32.0

33.0

34.0

35.0

36.0

37.0

38.0

39.0

40.0

4

16.6

-35.0

35.0

5

5.0

-40.0

40.0

Đất sét, sét pha, màu xám nâu,
xám ghi, trạng thái dẻo chảy
đến dẻo mềm, phần trên lẫn ít
vỏ sò hến.

Đất sét, sét pha, màu xám nâu,
xám vàng, trạng thái dẻo cứng
đến dẻo mềm.

M7
SPT3

22.0 22.2
22.20 22.65

3

3

3

● N= 6

M8

25.0 25.2

M9

28.0 28.2

M10
SPT4

31.0 31.2
31.20 31.65

5

5

5

● N= 10

M11

35.0 35.2

M12
SPT5

36.8 37.0
37.00 37.45

7

7

7

● N= 14

HÌNH TRỤ HỔ KHOAN

HẠNG MỤC:

CƠ QUAN KIỂM TRA: Công ty phát triển kỹ thuật xây dựng.

NGƯỜI LẬP:

K5

0.0

Chiều sâu (m):

40.0

[illegible]

HÌNH TRỤ HỔ KHOAN

CÔNG TRÌNH: Khu dân cư An Đông

HANG MỤC:

ĐIỂM: An Đông-An Dương-Hải Phòng

CƠ QUAN KSÁT: Công ty phát triển kỹ thuật xây dựng.

NGƯỜI LẬP:

Hồ khoan:

K5

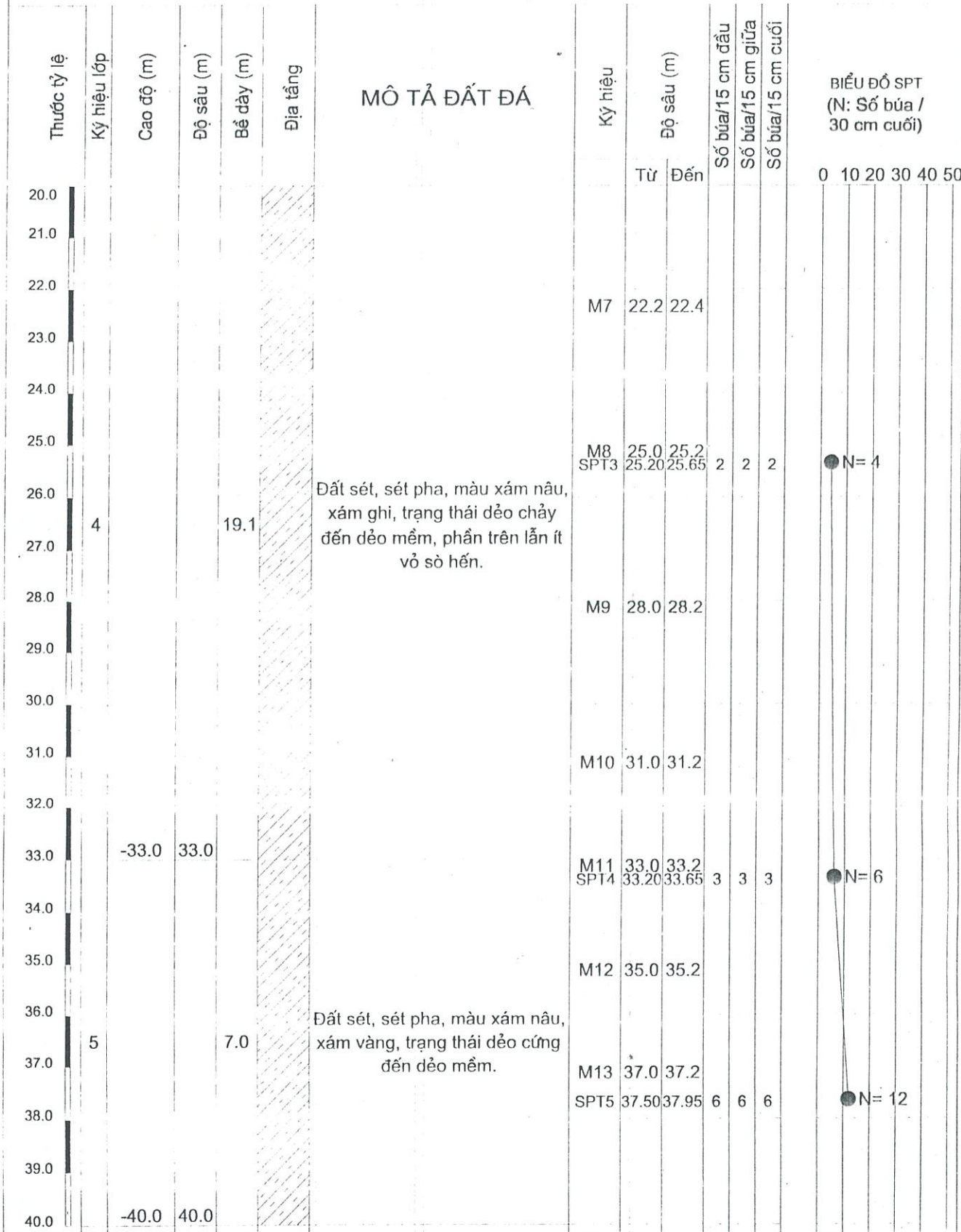
Cao độ (m):

0.0

Mực nước d.đất (m):

Chiều sâu (m):

40.C



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Địa điểm:

Số hiệu lỗ khoan:

Độ sâu lấy mẫu:

Phương pháp thử

Số thí nghiệm:

Ngày thí nghiệm:

Người thí nghiệm:

Khu dân cư An Đông

An Đông - An Dương - Hải Phòng

K-4

3 — 3.2 m

TCVN4199-4200: 1995

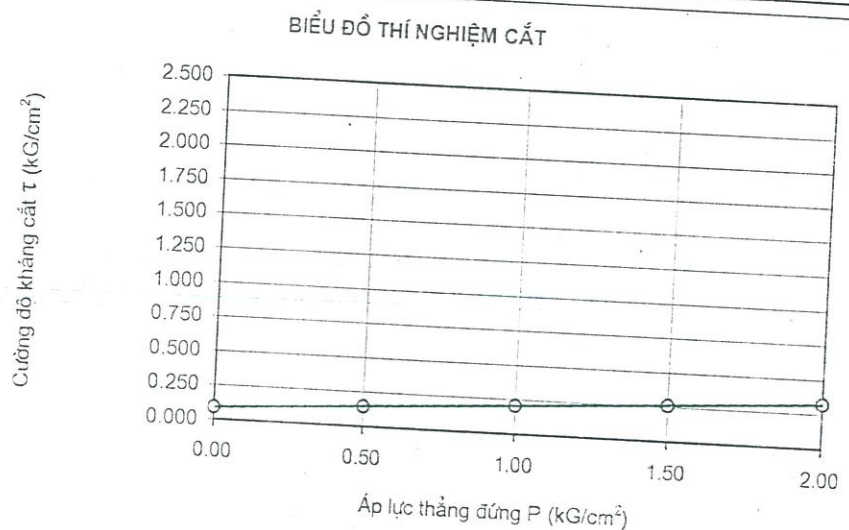
27

02/2004

Nguyễn Thị Hảo

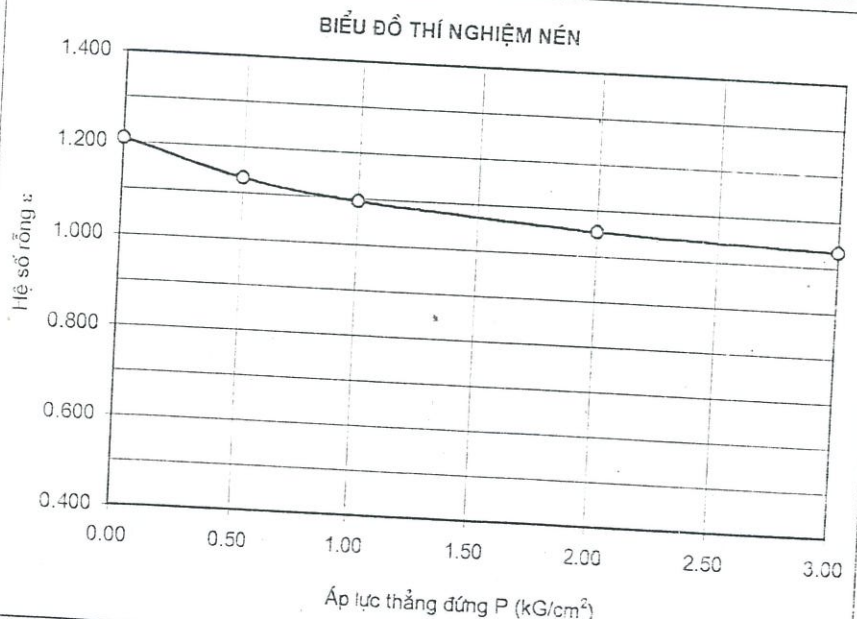
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.147
1.00	0.204
1.50	0.262
2.00	0.320
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.089
Góc ma sát trong φ (độ)	6°35'



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kê hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.209	0.152
0.5	1.133	
1.0	1.095	0.076
2.0	1.054	0.041
3.0	1.034	0.020
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.041



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:
 Địa điểm:
 Số hiệu lỗ khoan:
 Độ sâu lấy mẫu:
 Phương pháp thử:
 Số thí nghiệm:
 Ngày thí nghiệm:
 Người thí nghiệm:

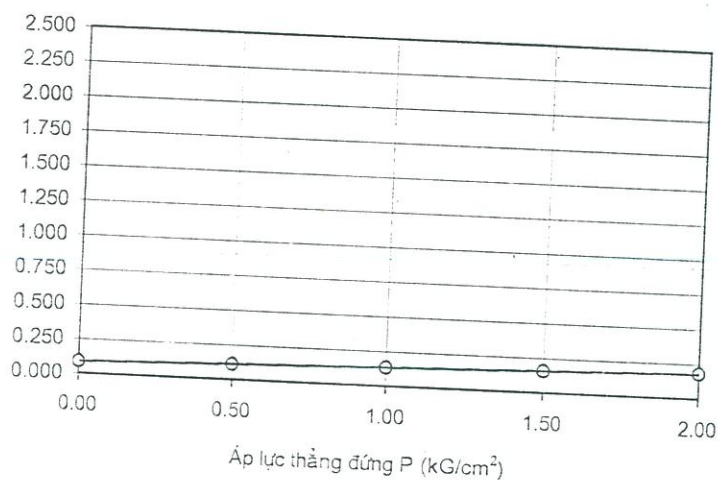
Khu dân cư An Đông
 An Đông - An Dương - Hải Phòng
 K-4
 6 - 6.2 m
 TCVN4199-4200: 1995
 28
 02/2004
 Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.111
1.00	0.135
1.50	0.158
2.00	0.182
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.088
Góc ma sát trong φ (độ)	2°41'

Cường độ kháng cắt τ (kG/cm²)

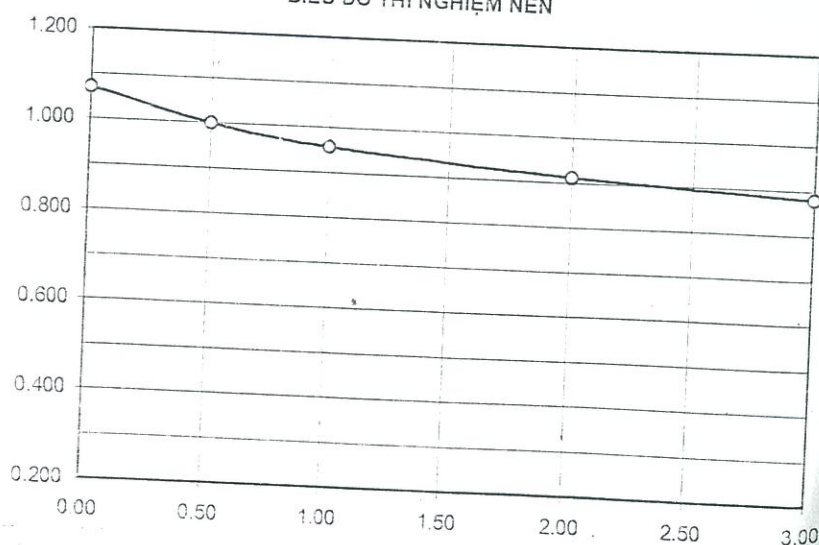
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kế hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.070	0.142
0.5	0.999	
1.0	0.956	
2.0	0.911	
3.0	0.880	0.031
Hệ số nén lún $a_{1,2}$ (cm ² /kG)		0.045

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Khu dân cư An Đông

Địa điểm:

An Đông - An Dương - Hải Phòng

Số hiệu lỗ khoan:

K-4

Độ sâu lấy mẫu:

9 — 9.2 m

Phương pháp thử

TCVN4199-4200: 1995

Số thí nghiệm:

29

Ngày thí nghiệm:

02/2004

Người thí nghiệm:

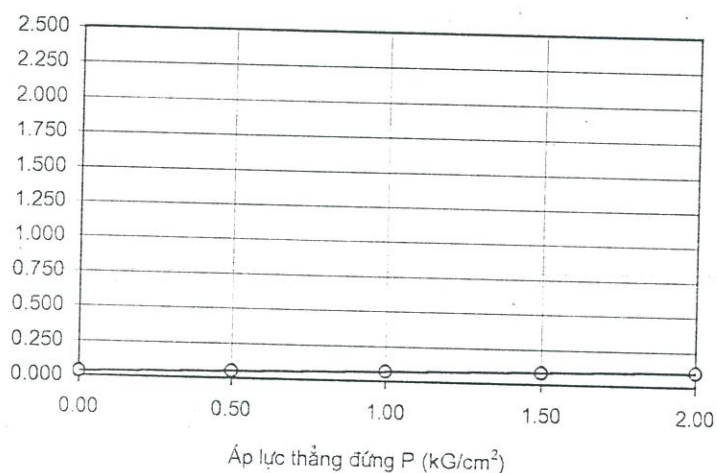
Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.050
1.00	0.067
1.50	0.085
2.00	0.102
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.032
Góc ma sát trong φ (độ)	2°01'

Cường độ kháng cắt τ (kG/cm²)

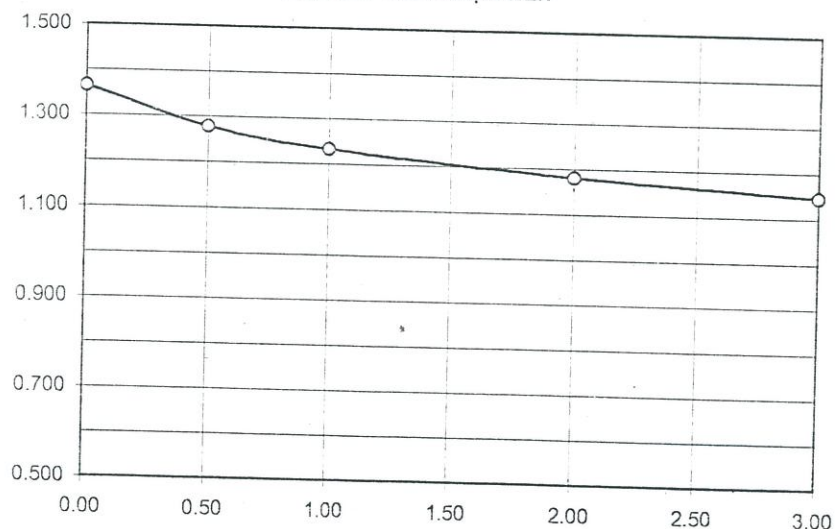
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kế hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.364	0.172
0.5	1.278	
1.0	1.232	
2.0	1.180	
3.0	1.145	0.035
Hệ số nén lún a ₁₋₂ (cm ² /kG)		0.052

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Địa điểm:

Số hiệu lỗ khoan:

Độ sâu lấy mẫu:

Phương pháp thử

Số thí nghiệm:

Ngày thí nghiệm:

Người thí nghiệm:

Khu dân cư An Đông

An Đông - An Dương - Hải Phòng

K-4

12 – 12.2 m

TCVN4199-4200: 1995

30

02/2004

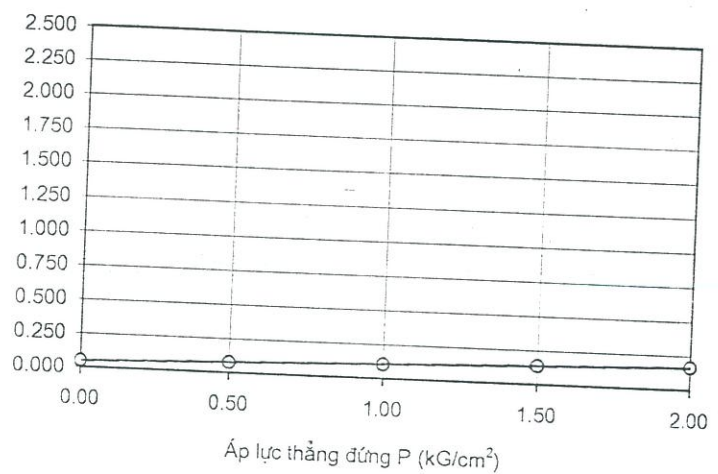
Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.075
1.00	0.105
1.50	0.135
2.00	0.166
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.045
Góc ma sát trong ϕ (độ)	3°27'

Cường độ kháng cắt τ (kG/cm²)

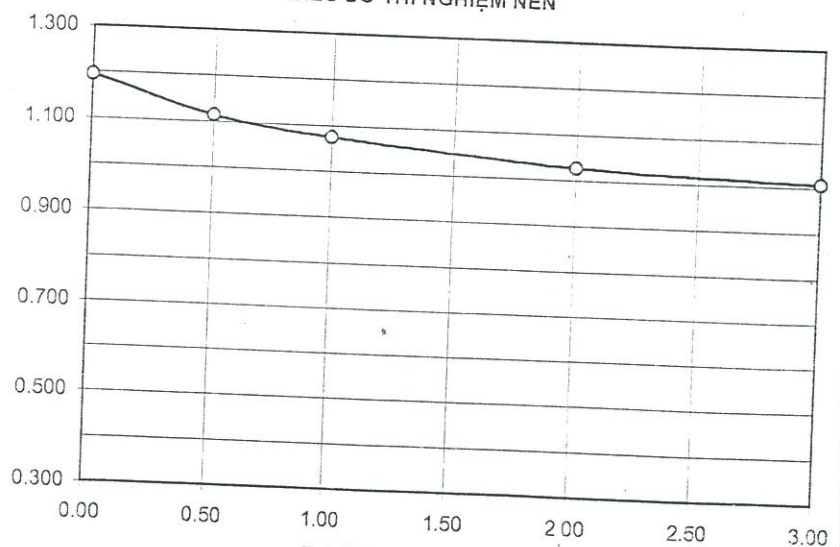
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kê hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.195	0.163
0.5	1.114	
1.0	1.075	
2.0	1.027	
3.0	1.007	
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.048

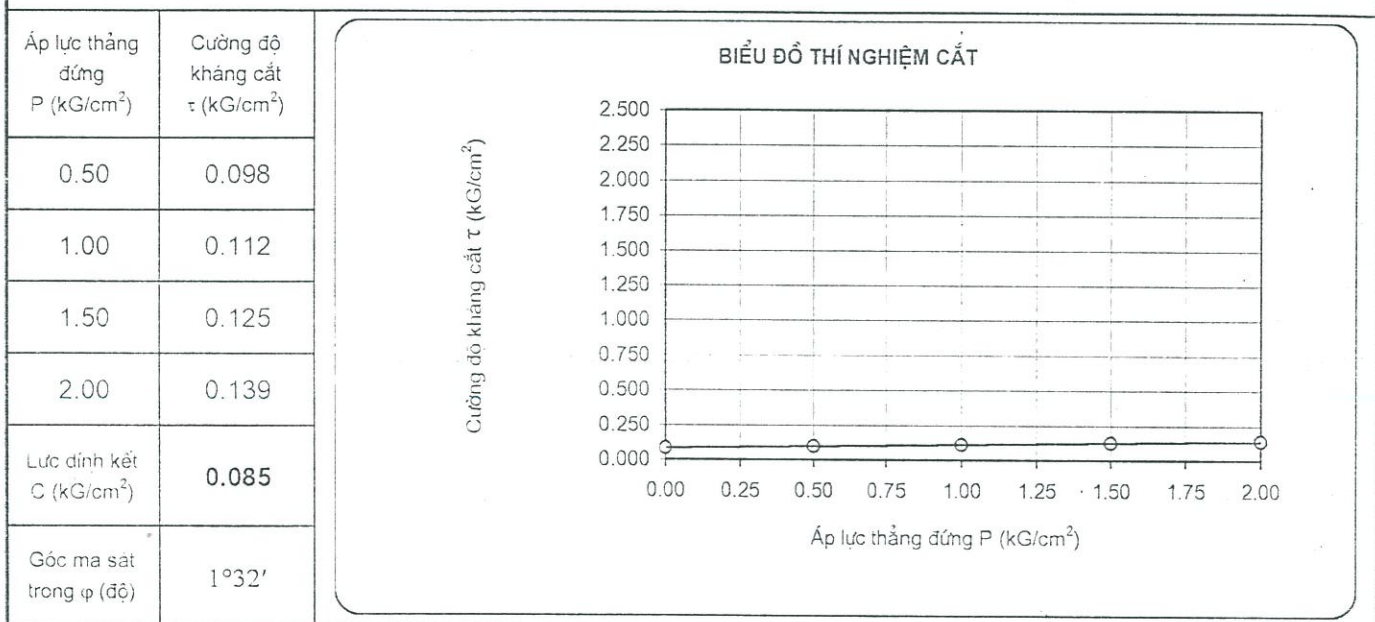
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN



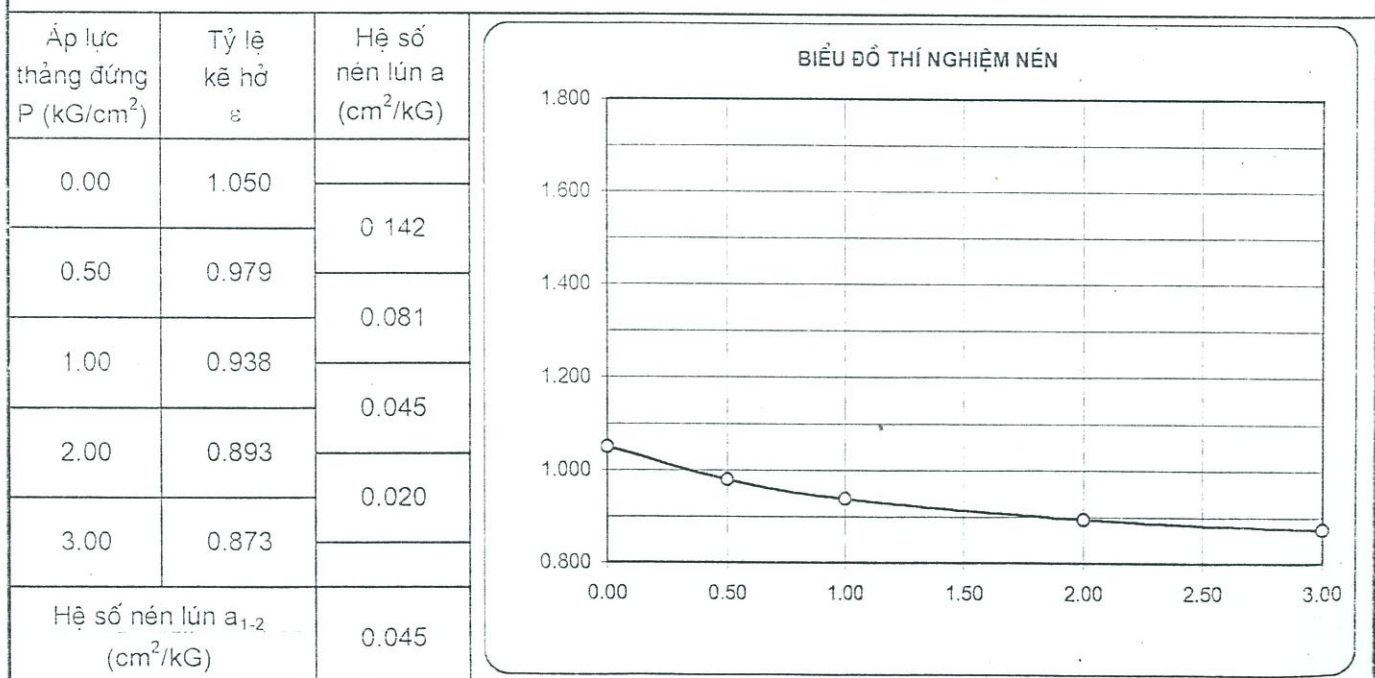
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình: Khu dân cư An Đông
 Địa điểm: An Đông - An Dương - Hải Phòng
 Số hiệu lỗ khoan: K-4
 Độ sâu lấy mẫu: 15 — 15.2 m
 Phương pháp thử: TCVN4199-4200: 1995
 Số thí nghiệm: 31
 Ngày thí nghiệm: 02/2004
 Người thí nghiệm: Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Khu dân cư An Đông

Địa điểm:

An Đông - An Dương - Hải Phòng

Số hiệu lỗ khoan:

K-4

Độ sâu lấy mẫu:

18 — 18.2 m

Phương pháp thử

TCVN4199-4200: 1995

Số thí nghiệm:

32

Ngày thí nghiệm:

02/2004

Người thí nghiệm:

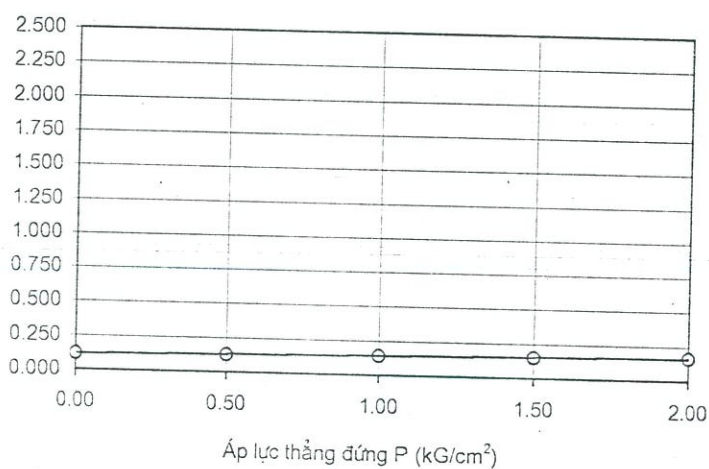
Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.127
1.00	0.140
1.50	0.152
2.00	0.164
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.115
Góc ma sát trong φ (độ)	1°25'

Cường độ kháng cắt τ (kG/cm²)

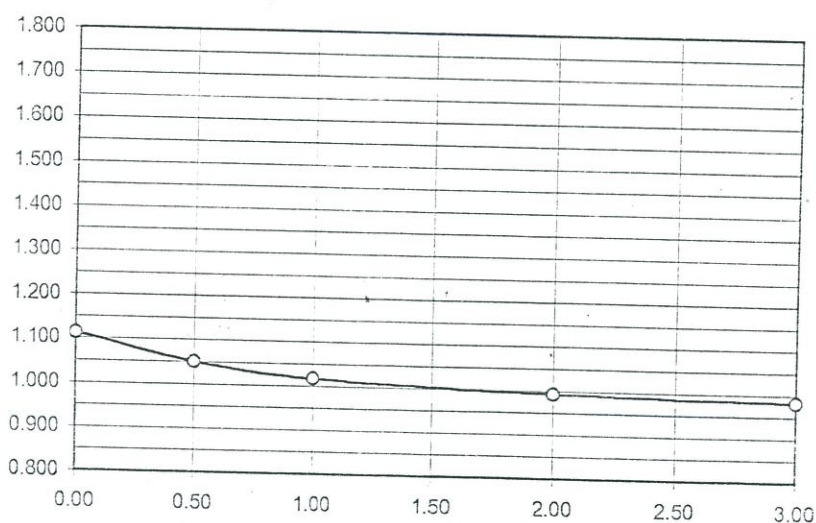
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kế hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.112	0.125
0.5	1.050	
1.0	1.016	
2.0	0.992	
3.0	0.982	0.010
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.024

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN



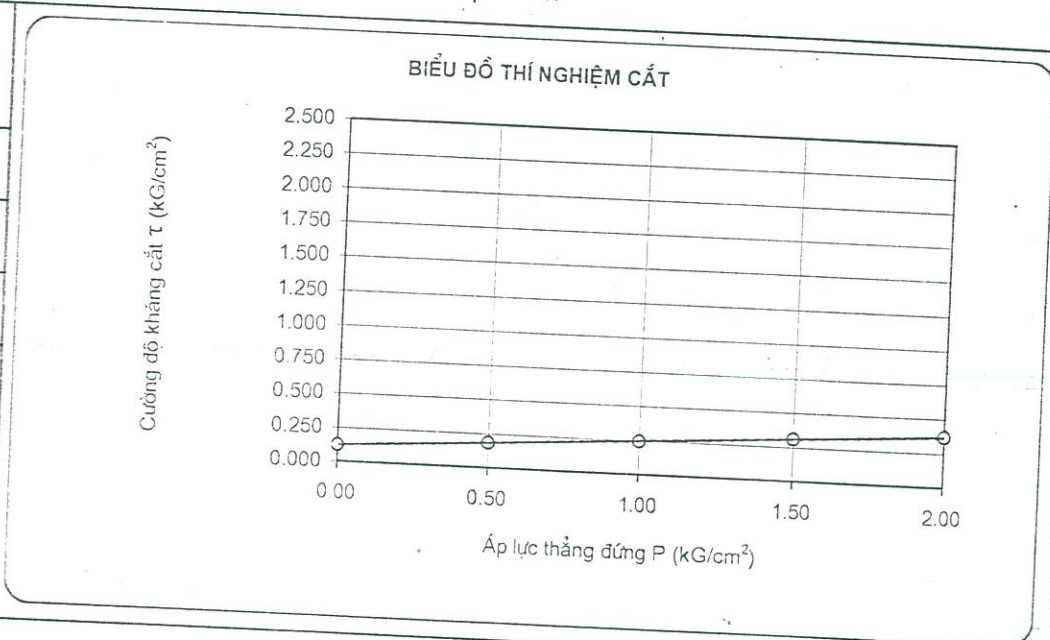
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:
Địa điểm:
Số hiệu lỗ khoan:
Độ sâu lấy mẫu:
Phương pháp thử:
Số thí nghiệm:
Ngày thí nghiệm:
Người thí nghiệm:

Khu dân cư An Đông
An Đông - An Dương - Hải Phòng
K-4
22 — 22.2 m
TCVN4199-4200: 1995
33
02/2004
Nguyễn Thị Hảo

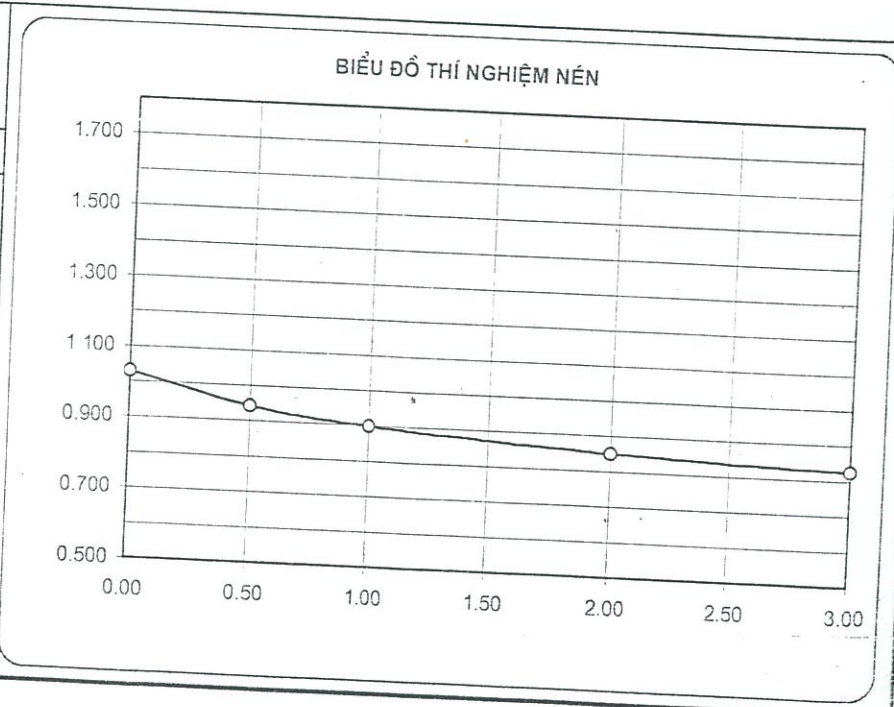
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.185
1.00	0.246
1.50	0.308
2.00	0.369
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.123
Góc ma sát trong ϕ (độ)	7°01'



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kê hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.029	0.174
0.5	0.942	
1.0	0.900	
2.0	0.851	
3.0	0.826	
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.049



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Địa điểm:

Số hiệu lỗ khoan:

Độ sâu lấy mẫu:

Phương pháp thử

Số thí nghiệm:

Ngày thí nghiệm:

Người thí nghiệm:

Khu dân cư An Đông

An Đông - An Dương - Hải Phòng

K-4

25 — 25.2 m

TCVN4199-4200: 1995

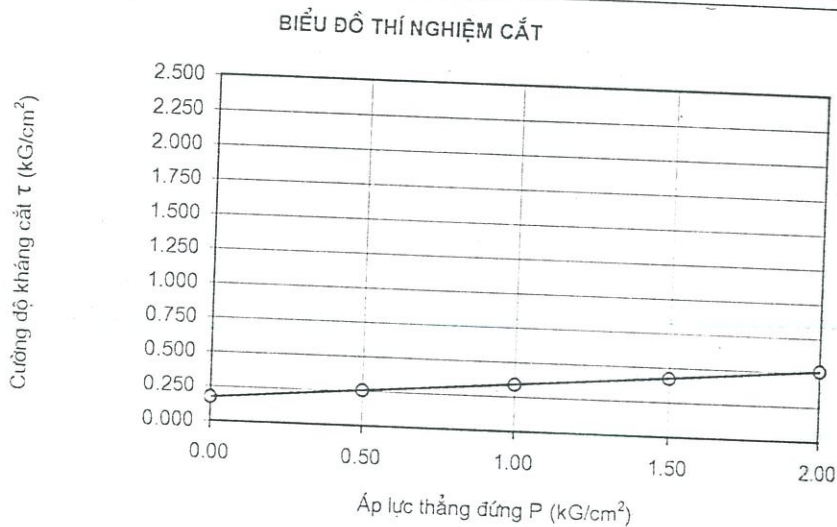
34

02/2004

Nguyễn Thị Hào

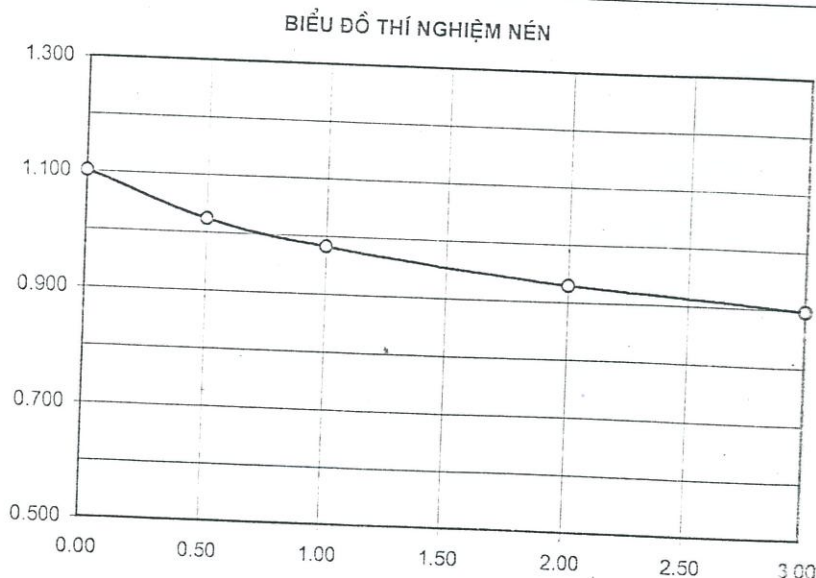
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.254
1.00	0.338
1.50	0.423
2.00	0.507
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.169
Góc ma sát trong φ (độ)	9°36'



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kê hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.101	0.156
0.5	1.023	
1.0	0.983	
2.0	0.929	
3.0	0.898	0.031
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.054



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Khu dân cư An Đông

Địa điểm:

An Đông - An Dương - Hải Phòng

Số hiệu lỗ khoan:

K-4

Độ sâu lấy mẫu:

28 — 28.2 m

Phương pháp thử

TCVN4199-4200: 1995

Số thí nghiệm:

35

Ngày thí nghiệm:

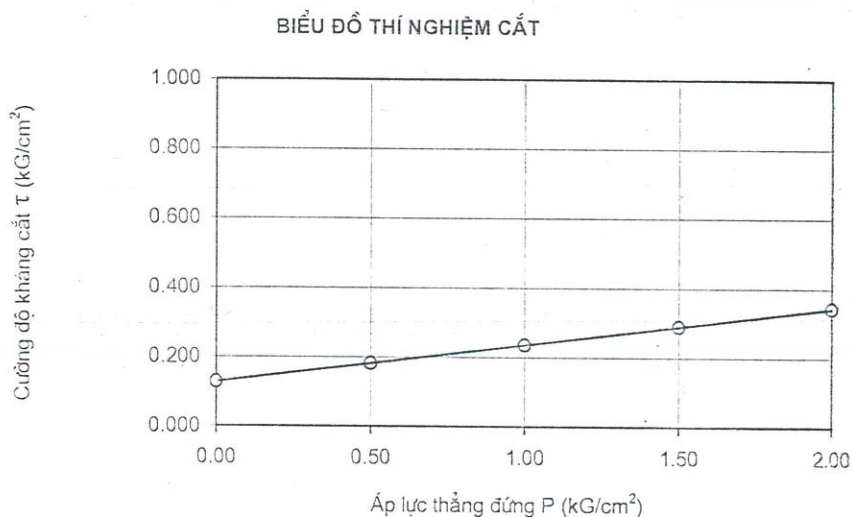
02/2004

Người thí nghiệm:

Nguyễn Thị Hảo

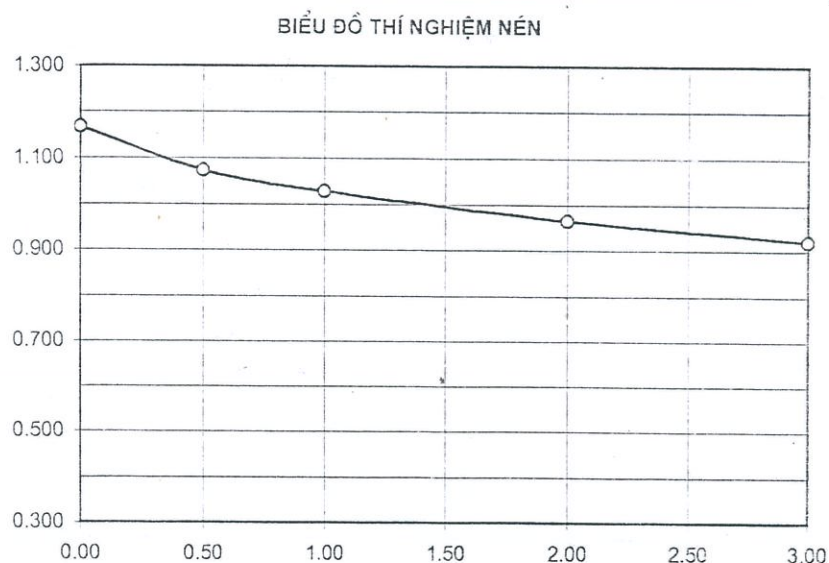
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.181
1.00	0.235
1.50	0.288
2.00	0.342
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.128
Góc ma sát trong ϕ (độ)	6°06'



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

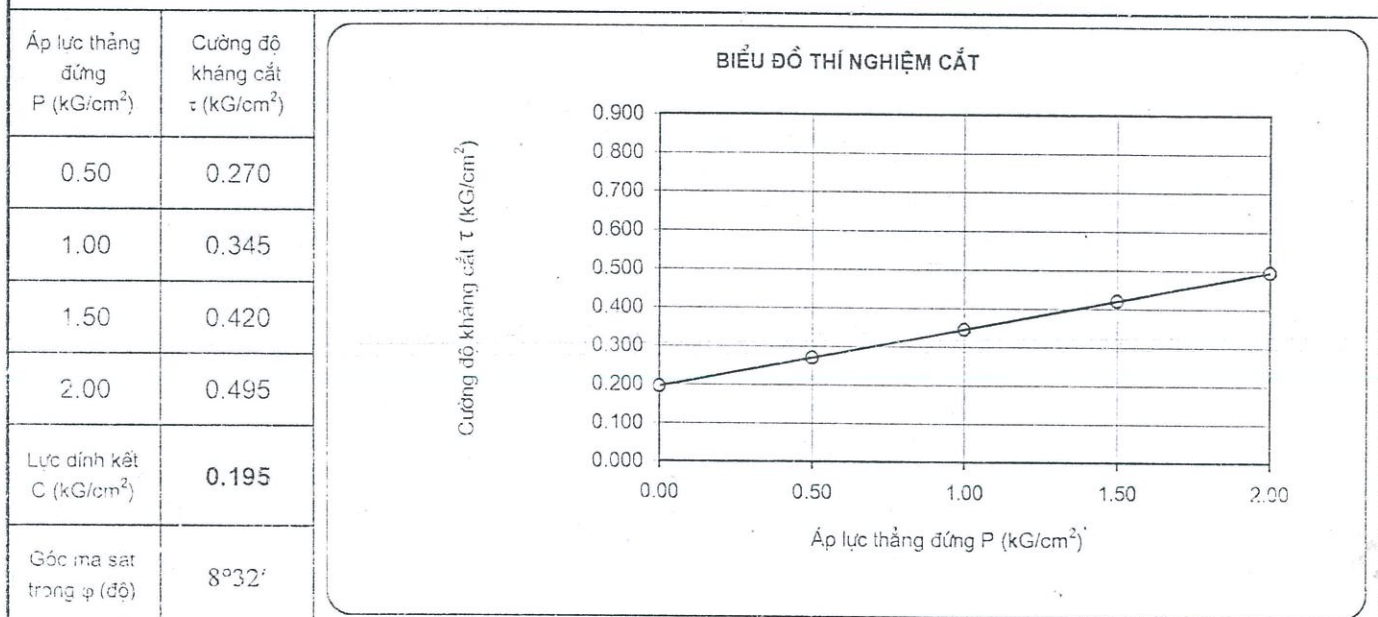
Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kê hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.166	0.186
0.5	1.073	
1.0	1.028	0.091
2.0	0.965	0.063
3.0	0.920	0.045
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.063



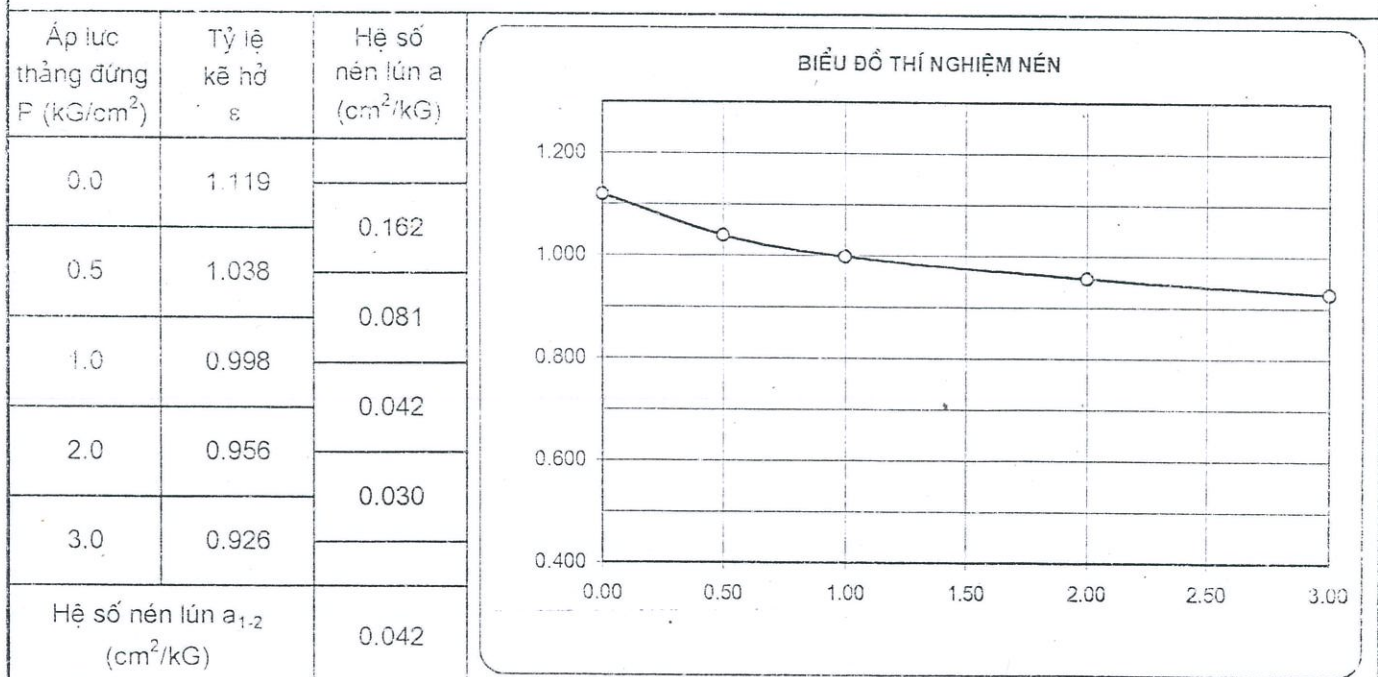
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình: Khu dân cư An Đông
Địa điểm: An Đông - An Dương - Hải Phòng
Số hiệu lỗ khoan: K-4
Độ sâu lấy mẫu: 31 — 31.2 m
Phương pháp thử: TCVN4199-4200: 1995
Số thí nghiệm: 36
Ngày thí nghiệm: 02/2004
Người thí nghiệm: Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Khu dân cư An Đông

Địa điểm:

An Đông - An Dương - Hải Phòng

Số hiệu lỗ khoan:

K-4

Độ sâu lấy mẫu:

35 — 35.2 m

Phương pháp thử

TCVN4199-4200: 1995

Số thí nghiệm:

37

Ngày thí nghiệm:

02/2004

Người thí nghiệm:

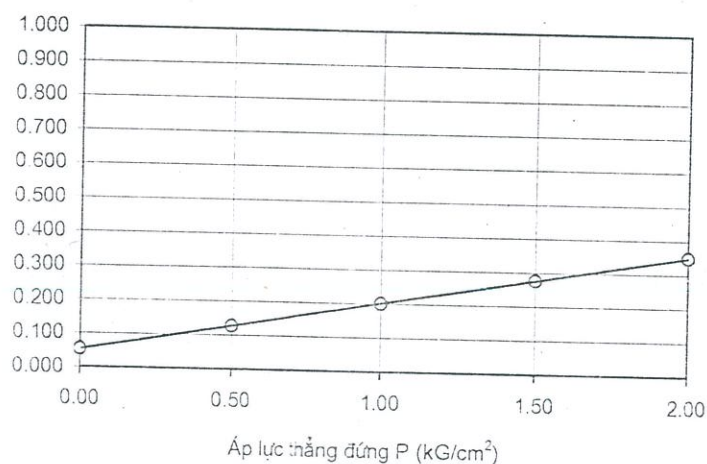
Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.126
1.00	0.201
1.50	0.275
2.00	0.349
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.052
Góc ma sát trong φ (độ)	8°27'

Cường độ kháng cắt τ (kG/cm²)

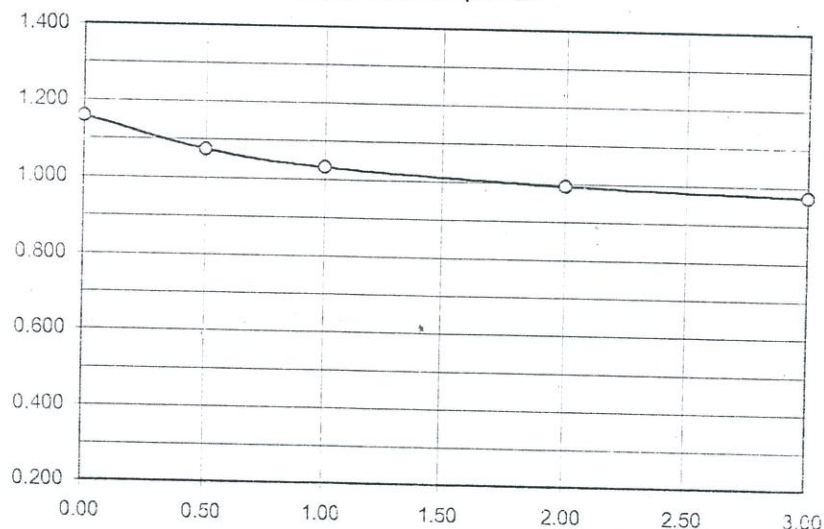
BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kế hồ ϵ	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.158	0.168
0.5	1.074	0.086
1.0	1.031	0.038
2.0	0.993	0.020
3.0	0.973	0.038
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.038

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN



BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT, NÉN

Công trình:

Khu dân cư An Đông

Địa điểm:

An Đông - An Dương - Hải Phòng

Số hiệu lỗ khoan:

K-4

Độ sâu lấy mẫu:

36.8— 37 m

Phương pháp thử

TCVN4199-4200: 1995

Số thí nghiệm:

38

Ngày thí nghiệm:

02/2004

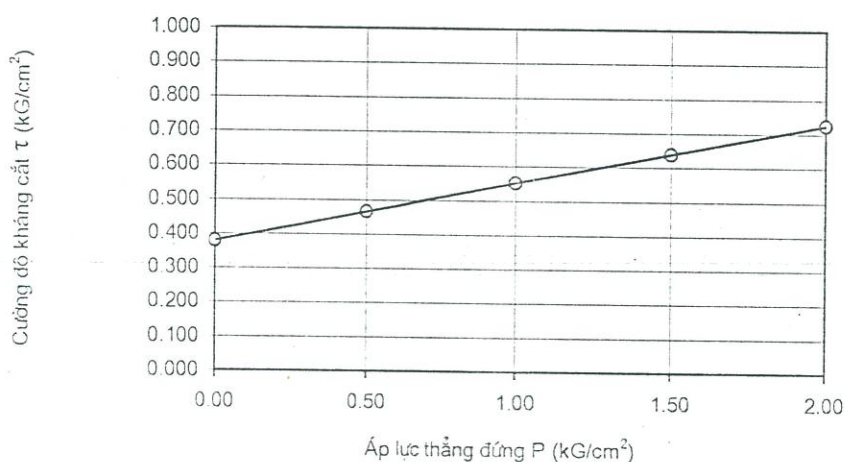
Người thí nghiệm:

Nguyễn Thị Hảo

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Cường độ kháng cắt τ (kG/cm ²)
0.50	0.466
1.00	0.552
1.50	0.639
2.00	0.725
Lực dính kết C (kG/cm ²)	0.379
Góc ma sát trong φ (độ)	9°49'

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM CẮT



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN

Áp lực thẳng đứng P (kG/cm ²)	Tỷ lệ kế hở ε	Hệ số nén lún a (cm ² /kG)
0.0	1.105	0.169
0.5	1.020	
1.0	0.977	0.087
2.0	0.946	0.031
3.0	0.923	0.023
Hệ số nén lún a_{1-2} (cm ² /kG)		0.031

BIỂU ĐỒ THÍ NGHIỆM NÉN

